

HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG, HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NỀN CÔNG CHỨNG SỐ

NGUYỄN THỊ THANH MAI*

Thực tiễn phát triển đời sống kinh tế - xã hội trong hơn thập kỷ qua đã chứng minh chủ trương xã hội hóa dịch vụ công chứng của Đảng và Nhà nước là hoàn toàn đúng đắn và kịp thời. Đây là chủ trương không chỉ huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội vào cung ứng dịch vụ công chứng mà còn đáp ứng về cơ bản nhu cầu của người dân và bảo vệ an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự. Tuy nhiên, sự gia tăng của nhu cầu công chứng, sự phát triển mạnh mẽ của đội ngũ công chứng viên và mạng lưới các tổ chức hành nghề công chứng cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, khai thác và chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng, hướng tới mục tiêu xây dựng nền công chứng số hiện nay.

Từ khóa: Dịch vụ công chứng; xã hội hóa; an toàn pháp lý; giao dịch dân sự; nền công chứng số.

The development of socio-economic life over the past decades has proved that the policy of socializing notarization services of the Party and State of Vietnam is completely proper and timely. This policy not only effectively mobilizes social resources in providing notary services, but also basically meets the needs of the people and protects legal safety for civil transactions. However, the increase in the demand for notarization, the strong development of notaries and the network of notarization-practicing organizations also place urgent requirements on state agencies in building, exploiting and sharing notarization databases, towards the goal of building the current digital notarization framework.

Keywords: Notarization service; socialization; legal safety; civil transactions; digital notarization framework.

NGÀY NHẬN: 03/01/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 04/02/2024 NGÀY DUYỆT: 18/4/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.339.2024.815>

1. Thực trạng xây dựng và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng

Luật Công chứng (năm 2006 và năm 2014) được ban hành đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ công chứng với sự ra đời của các văn phòng công chứng do công chứng viên thành lập bên cạnh các phòng công

chứng đã được Nhà nước thành lập. Trên cơ sở đó, số lượng tổ chức hành nghề công chứng và số lượng đội ngũ công chứng viên đã tăng nhanh chóng theo từng năm. Theo báo cáo của Bộ Tư pháp tại Hội nghị Triển

* TS, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

khai công tác hỗ trợ tư pháp năm 2023, hoạt động công chứng tiếp tục được tăng cường theo hướng phát triển số lượng đi đôi với chất lượng, từng bước góp phần làm giảm tải công việc và chi phí của Nhà nước; tăng cường bảo đảm an toàn pháp lý và thúc đẩy các giao dịch trong hoạt động kinh tế, dân sự. Cũng theo Báo cáo, trong năm 2022, riêng hoạt động công chứng với 1.365 tổ chức hành nghề (có 1.351 tổ chức báo cáo) đã thực hiện trên 7 triệu vụ việc, đã nộp vào ngân sách và thực hiện nghĩa vụ thuế trên 406 tỷ đồng¹.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã được ghi nhận thì thực tiễn hoạt động công chứng cũng phát sinh một số vấn đề bất cập, như: xuất hiện tình trạng lợi dụng danh nghĩa tư cách tổ chức hành nghề công chứng để trục lợi, thậm chí có những trường hợp vi phạm pháp luật khá nghiêm trọng; tình trạng giả mạo giấy tờ, giả mạo chủ thể để yêu cầu công chứng và tham gia giao kết hợp đồng, giao dịch đang diễn biến phức tạp. Thực trạng này cho thấy, việc xây dựng, khai thác và chia sẻ hiệu quả cơ sở dữ liệu công chứng càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng sẽ tạo dựng nguồn thông tin đáng tin cậy về tài sản, nhằm ngăn chặn tình trạng thực hiện đồng thời nhiều giao dịch đối với một tài sản, tình trạng giả mạo giấy tờ, con dấu... Qua đó, các hợp đồng, giao dịch sẽ được bảo đảm an toàn pháp lý; quyền, lợi ích chính đáng của các bên tham gia được bảo vệ; giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp cho công chứng viên; phòng ngừa tình trạng tranh chấp, khiếu kiện kéo dài; góp phần ổn định và phát triển đời sống kinh tế - xã hội.

Điều 62, *Luật Công chứng* năm 2014 quy định: “1. Cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng; 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công

chứng của địa phương và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng; 3. Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu công chứng tại các địa phương”.

Trên cơ sở quy định của *Luật Công chứng* năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc xây dựng cơ sở dữ liệu về công chứng cũng đã được nhiều địa phương quan tâm. Tính đến ngày 30/6/2021, cả nước có khoảng 47/63 địa phương hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về công chứng, chiếm tỷ lệ khoảng 75%². Một số tỉnh, thành phố đã tổ chức vận hành và khai thác Phần mềm quản lý hợp đồng công chứng và dữ liệu ngăn chặn (UCHI), như: Hà Nội, Tuyên Quang, Yên Bái, Lạng Sơn, Kiên Giang, Tây Ninh, Sóc Trăng... Một số tỉnh sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng do Công ty cổ phần công nghệ VSD Việt Nam xây dựng và phát triển, như: Hưng Yên, Hà Nam... Ngay sau khi tạo dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về công chứng, để tạo điều kiện cho các tổ chức hành nghề công chứng triển khai đồng bộ, sử dụng hiệu quả phần mềm mới, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố đã triển khai tổ chức tập huấn cho các công chứng viên và nhân viên phụ trách cập nhật phần mềm. Các thành viên tham gia được bộ phận kỹ thuật hướng dẫn cụ thể cách cập nhật, tra cứu, sử dụng thông tin, thực hiện chế độ báo cáo, thông báo...

Hầu hết các tổ chức hành nghề công chứng đều tham gia; cập nhật thường xuyên, kịp thời thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng tại tổ chức mình vào cơ sở dữ liệu chung. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố cũng thường xuyên cập nhật thông tin tham khảo, ngăn chặn giao dịch đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật. Một số địa phương còn chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng cho cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan thuế

trong thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến văn bản công chứng.

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công chứng được chú trọng. Sở Tư pháp một số tỉnh, thành phố đã xây dựng quy chế phối hợp giữa sở Tư pháp và sở Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện việc cung cấp thông tin địa chính, đăng ký giao dịch bảo đảm giữa văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và tổ chức hành nghề công chứng, như: Bắc Kạn, Hà Nam, Lâm Đồng, Sóc Trăng... Ngoài ra, sở Tư pháp một số tỉnh, thành phố còn phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tại địa phương xây dựng phần mềm thông tin ngăn chặn trên trang thông tin điện tử của sở nhằm hạn chế rủi ro, tranh chấp trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch; phối hợp với sở Nội vụ trong thành lập và quản lý hoạt động của Hội công chứng viên hoặc phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu công chứng³.

Tuy nhiên, việc xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu công chứng trong những năm qua vẫn còn nhiều điểm bất cập, cụ thể:

Một là, hiện nay các văn bản pháp luật về công chứng mới chỉ dừng lại quy định về trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, chưa có quy định chung về cơ chế cung cấp và khai thác thông tin; giải pháp phần cứng, phần mềm và cấu trúc cơ sở dữ liệu không được chuẩn hóa. Điều này, dẫn đến tình trạng mỗi địa phương làm một kiểu, chưa có sự đồng bộ và nhất quán.

Hai là, một số tỉnh, thành chưa xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng. Theo Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành *Luật Công chứng*, tính đến hết tháng 6/2021, cả nước còn khoảng 16/63 địa phương chưa xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng (chiếm 25%), như: Bắc Kạn, Bạc Liêu, Hà Tĩnh, Kon Tum, Lào Cai...⁴. Việc thiếu sự liên kết thông qua mạng nội bộ để chia sẻ thông tin đã gây khó khăn cho các tổ chức hành nghề công chứng và các cơ quan

nhà nước trong kiểm soát thực trạng các hợp đồng, giao dịch.

Ba là, các địa phương tuy đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về công chứng và ban hành quy chế hoạt động nhưng việc cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng chưa được thường xuyên, liên tục. Tốc độ truy xuất của phần mềm còn chậm, không đáp ứng được yêu cầu cập nhật; việc cập nhật, tra cứu thông tin ngăn chặn mang tính thủ công, rất tốn thời gian;...

Bốn là, cơ sở dữ liệu công chứng của nhiều địa phương còn thiếu sự liên kết với các cơ quan nhà nước có liên quan, chưa tạo được nguồn thông tin mang tính bao quát và có giá trị chuẩn xác về tài sản. Ví dụ, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa cập nhật thông tin lên hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng nên không thể kiểm soát được các giao dịch từ các cơ quan này. Ngoài ra, việc cập nhật thông tin ngăn chặn đối với tài sản có tranh chấp, tài sản trong diện phải kê biên thi hành án... phụ thuộc rất nhiều vào các cơ quan tòa án, văn phòng đăng ký đất đai, thi hành án, nhưng không có một cơ chế cụ thể nào bắt buộc các cơ quan này cung cấp các thông tin ngăn chặn đầy đủ, kịp thời, dẫn đến tài sản trong diện phải ngăn chặn vẫn có thể được giao dịch qua công chứng.

Năm là, chưa có cơ sở dữ liệu về công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng. Trong điều kiện nguồn công chứng viên còn thiếu như hiện nay, một số văn phòng công chứng muốn thành lập đã thực hiện biện pháp lấy tên và hồ sơ của công chứng viên đang hành nghề tại một tổ chức hành nghề công chứng khác để đủ điều kiện thành lập văn phòng công chứng. Vì vậy, khi xét duyệt hồ sơ thành lập văn phòng công chứng và đăng ký hành nghề, cấp thẻ công chứng viên, sở Tư pháp phải gửi văn bản xác minh thông tin hành nghề của công chứng viên tại các tỉnh, thành khác để bảo đảm quy định công chứng viên hành nghề tại một tổ chức hành nghề công chứng theo điểm b

khoản 2 Điều 17 Luật Công chứng năm 2014: “Hành nghề tại một tổ chức hành nghề công chứng”. Việc xác minh khi không có cơ sở dữ liệu thống nhất về công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng khiến cho cán bộ, công chức mất nhiều công sức, thời gian vào những công việc sự vụ.

2. Một số giải pháp hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chứng hướng tới xây dựng nền công chứng số

Trong bối cảnh nhu cầu công chứng của các cá nhân, tổ chức ngày càng tăng và nội dung, tính chất của các hợp đồng, giao dịch ngày càng phức tạp như hiện nay, các cơ quan nhà nước cần đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu công chứng.

Thứ nhất, hoàn thiện quy định pháp luật về cơ sở dữ liệu công chứng.

Hiện nay, dữ liệu liên quan đến các hợp đồng, giao dịch còn nằm rải rác tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau, gây khó khăn cho cả công chứng viên và người dân khi thực hiện hoạt động công chứng. Chính vì vậy, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần có văn bản liên tịch quy định về trách nhiệm tham gia cung cấp và khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu công chứng đối với các cơ quan có liên quan đến các giao dịch dân sự, như: tư pháp, tòa án, thuế, văn phòng đăng ký đất đai, thi hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã...

Ngoài ra, cần có quy định cụ thể hơn về quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng. Trong đó, phải quy định rõ trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý, cung cấp, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu, việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu và chi phí khai thác, sử dụng. Từ đó, tạo sự nhất quán trong triển khai thực hiện tại các địa phương. Cùng với đó, Bộ Tư pháp cần có hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn hóa cấu trúc, nội dung của phần mềm về cơ sở dữ liệu công chứng, tránh tình trạng thừa hoặc thiếu thông tin có liên quan đến hoạt động công chứng.

Thứ hai, xây dựng cơ sở dữ liệu về tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên trên toàn quốc.

Bộ Tư pháp phối hợp với Hội Công chứng viên Việt Nam nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng và đội ngũ công chứng viên. Đặc biệt, cần đăng tải danh sách công chứng viên đang hành nghề tại các tổ chức hành nghề công chứng. Cơ sở dữ liệu này cần được cập nhật nội dung thường xuyên, liên tục. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố sẽ dựa vào danh sách được cập nhật này để thực hiện các thủ tục cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng và cấp thẻ hành nghề cho công chứng viên mà không cần phải gửi công văn xác minh đến các tỉnh, thành phố.

Thứ ba, xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về hoạt động công chứng tại các địa phương.

Đây là cơ sở dữ liệu bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng. Do đó, với các địa phương chưa xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng cần nhanh chóng thực hiện. Trước hết, các địa phương có thể tổ chức các đoàn công tác, học tập kinh nghiệm tại các địa phương đã triển khai thực hiện hiệu quả. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu cần được lên kế hoạch chi tiết với trách nhiệm thực hiện cụ thể của từng cơ quan, tổ chức có liên quan, trong đó cần phát huy vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp của công chứng viên (Hội Công chứng viên). Sau khi “đặt hàng” với các công ty xây dựng phần mềm, các cơ quan nhà nước cần tổ chức chạy thử nghiệm phần mềm để đánh giá độ phù hợp, đầy đủ, khoa học và chính xác của phần mềm. Việc đánh giá phải có sự tham gia của các cán bộ, công chức nhà nước và các công chứng viên - người trực tiếp sử dụng phần mềm. Từ đó, công ty xây dựng phần mềm có sự chỉnh sửa tương ứng, bảo đảm phần mềm khi đưa vào hoạt động chính thức sẽ đáp ứng

tốt nhất nhu cầu của hoạt động công chứng.

Song song với việc xây dựng cơ sở dữ liệu về công chứng, các tỉnh cần chú ý ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu này để bảo đảm cơ sở dữ liệu được khai thác một cách hiệu quả. Xây dựng quy chế khai thác cơ sở dữ liệu về công chứng, cần bám sát Công văn số 729/BTP-BTTP ngày 09/3/2017 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, trong đó tập trung vào các nội dung, như: (1) Nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng; (2) Những hành vi bị nghiêm cấm; (3) Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản trong cơ sở dữ liệu công chứng; (4) Chi phí liên quan đến khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng; (5) Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, cơ quan có liên quan; (6) Xử lý vi phạm liên quan đến khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng...

Đối với những địa phương đã xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng cũng như quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu này cần tổ chức các hội nghị, hội thảo tổng kết thực hiện cơ sở dữ liệu công chứng. Tại diễn đàn này, các cán bộ, công chức nhà nước và công chứng viên có thể cùng trao đổi, đưa ra những ưu điểm cũng như những điểm hạn chế, chưa hoàn chỉnh của phần mềm và những điểm bất cập của quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu. Trên cơ sở đó, các cơ quan nhà nước ở địa phương có thể xây dựng phương án để vận hành, duy trì, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chứng. Đây cũng là căn cứ để Bộ Tư pháp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng trên toàn quốc, kết nối với cơ sở dữ liệu về quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu dân cư.

3. Kết luận

Trong tiến trình thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia hiện nay, việc ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội là yêu cầu tất yếu. Việc cung ứng dịch vụ công chứng cũng không phải là ngoại lệ, nhất là khi xã hội hóa dịch vụ công chứng đang ngày càng được đẩy mạnh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng đã được luật hóa trong các văn bản của Nhà nước và đã được các địa phương triển khai thực hiện trên thực tế. Song, phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng cũng như quy chế khai thác, sử dụng phần mềm này vẫn còn nhiều điểm bất cập. Trong thời gian tới, các cơ quan nhà nước cần quan tâm đầu tư và thực hiện những giải pháp thiết thực để tạo dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến cơ sở, được kết nối với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành khác, hướng tới mục tiêu xây dựng một nền công chứng số hiện đại và chuyên nghiệp hơn. □

Chú thích:

1. Bộ Tư pháp. Báo cáo tại Hội nghị Tổng kết công tác tư pháp năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2023. Hà Nội, ngày 19/12/2022.

2, 3. Bộ Tư pháp. Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 5 năm thi hành Luật Công chứng. Hà Nội, ngày 14/01/2022.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Công chứng năm 2006, 2014.
2. Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công chứng năm 2014.
3. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
4. Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
5. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
6. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
7. Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng năm 2014.